

ĐIỂM MÔN HỌC GDQP&AN

Sinh viên Học viện ngân hàng-Phân viện Phú Yên tham gia học tập giáo dục quốc phòng và an ninh năm học 2022-2023

(Khóa học: 10/04/-28/4/2023)

STT	Họ và Tên		Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Nơi Sinh (ghi theo giấy khai sinh)			Lớp	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3	Học phần 4	Điểm Môn học
						Xã	Huyện	Tỉnh		Điểm học phần	Điểm học phần	Điểm học phần	Điểm học phần	
1	Phạm Lê Thanh	Bình	Nam	07;09;2000	Kinh	Phường 1	Thành phố Bảo Lộc	Lâm Đồng	K24NHA	5.9	7.0	6.8	7.4	6.8
2	Phan Thị Quỳnh	Chi	Nữ	31;12;2003	Kinh	Bắc Hà	Thị xã Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K24NHA	6.7	7.4	8.3	6.6	7.2
3	Trần Thị Lan	Chi	Nữ	06;09;2003	Kinh	Phường Lộc Thọ	Thành Phố Nha Trang	Khánh Hòa	K24NHA	6.6	7.2	7.7	6.5	7.0
4	Vô Văn	Chương	Nam	06;12;2003	Kinh	Xã Sơn Nguyên	Huyện Sơn Hoà	Phú yên	K24NHA	6.6	6.3	7.7	7.4	7.0
5	Nguyễn Thị Hải	Duyên	Nữ	04;06;2003	Kinh	Thị trấn Phú Thứ	Huyện Tây Hòa	Phú Yên	K24NHA	6.8	7.1	7.7	7.5	7.3
6	Huỳnh Nguyên	Đạt	Nam	22;11;2003	Kinh	Thị trấn Buôn Trấp	Huyện Krông Ana	Đắk Lắk	K24NHA	7.0	7.2	7.7	6.8	7.2
7	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	27;05;2003	Kinh	Quê Phú	Quê Sơn	Quảng Nam	K24NHA	6.8	7.1	7.5	7.4	7.2
8	Nguyễn Minh	Đức	Nam	06;12;2003	Kinh	Phường Đông Thọ	Thành phố Thanh Hóa	Thanh Hoá	K24NHA	6.7	6.8	7.5	7.2	7.0
9	Vũ Đình	Đức	Nam	21;05;2003	Kinh	Thị Trấn Nông Cống	Huyện Nông Cống	Thanh Hóa	K24NHA	7.0	6.9	7.5	7.4	7.2
10	Đào Cẩm	Hà	Nữ	23;10;2003	Kinh	Thị trấn Cẩm Khê	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	K24NHA	6.9	7.1	7.5	6.8	7.1
11	Nguyễn Minh	Hải	Nam	16;01;2003	Kinh	Phường Hòa Vinh	Thị Xã Đông Hòa	Phú Yên	K24NHA	6.4	6.6	7.5	7.4	7.0
12	Hoàng Trọng	Hiệp	Nam	23;10;2003	Tày	Thị trấn Bắc Sơn	Huyện Bắc Sơn	Lạng Sơn	K24NHA	6.6	7.1	7.5	6.8	7.0
13	Vũ Đăng	Hoàng	Nam	15;10;2003	Kinh	Phường Hoa Lư	TP Pleiku	Gia Lai	K24NHA	6.4	6.8	7.5	7.9	7.1
14	Tăng Phi	Hùng	Nam	10;12;2003	Kinh	Xã Diễn Hạnh	Huyện Diễn Châu	Nghệ An	K24NHA	7.0	7.1	7.5	6.2	6.9
15	Đặng Thị Thu	Hương	Nữ	04;06;2003	Kinh	Xã Hòa Hiệp Nam	Thị Xã Đông Hòa	Phú Yên	K24NHA	6.9	7.2	7.5	7.8	7.3
16	Nguyễn Bảo	Huy	Nam	11;05;2003	Kinh	Phường Phú Lâm	Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHA	6.4	7.1	7.5	7.2	7.0
17	Trần Gia	Huy	Nam	14;04;2003	Kinh	Cùng Sơn	Sơn Hoà	Phú Yên	K24NHA	7.3	7.1	7.5	7.5	7.3
18	Lê Phan Khánh	Huyền	Nữ	30;10;2003	Kinh	Đông Trạch	Bố Trạch	Quảng Bình	K24NHA	7.3	6.9	7.5	7.8	7.4
19	Trình Trần	Khải	Nam	20;09;2003	Kinh	An Thọ	Tuy An	Phú Yên	K24NHA	6.6	6.7	7.5	7.8	7.1
20	Nguyễn Trọng Lê	Khang	Nữ	21;10;2003	Kinh	Bình Kiến	Tuy Hoà	Phú Yên	K24NHA	6.9	7.1	7.5	7.4	7.2
21	Hoàng Duy	Khánh	Nam	26;10;2001	Kinh	IaHiao	Ayunpa	Gia Lai	K24NHA	7.1	6.5	7.5	6.1	6.8
22	Trần Minh Khôi	Khôi	Nam	09;12;2003	Kinh	Đông Phong	Tiền Hải	Thái Bình	K24NHA	7.1	6.8	7.8	8.9	7.6
23	Nguyễn Tùng	Lâm	Nam	22;07;2003	Tày	Vân Tùng	Ngân Sơn	Bắc Kạn	K24NHA	6.3	6.3	7.8	7.3	6.9
24	Nguyễn Thị Trúc	Lan	Nữ	25;08;2003	Kinh	Hòa Thành	Đông Hòa	Phú Yên	K24NHA	8.0	6.4	7.8	9.1	7.8
25	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	Nữ	02;12;2003	Kinh	Phương Mai	Đống Đa	Hà Nội	K24NHA	7.4	7.9	7.8	6.6	7.4
26	Cần Thị Thùy	Linh	Nữ	14;05;2003	Kinh	Bình Phú	Thạch Thất	Hà Nội	K24NHA	7.5	7.9	7.8	7.4	7.7
27	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	05;11;2003	Kinh	Quang Trung	Kon Tum	Kon Tum	K24NHA	6.1	7.1	7.8	5.6	6.7
28	Đoàn Đức	Mạnh	Nam	11;10;2003	Kinh	Hải Tân	Thành phố Hải Dương	Hải Dương	K24NHA	6.9	7.1	7.8	7.4	7.3
29	Phan Thị Trà	My	Nữ	18;11;2003	Kinh	Phường Quỳnh Phương	Thị xã Hoàng Mai	Nghệ An	K24NHA	7.5	7.1	7.8	7.2	7.4
30	Nguyễn Quý	Ngân	Nữ	20;04;2003	Kinh	Hòa Mỹ Tây	Tây Hòa	Phú Yên	K24NHA	7.0	7.2	7.8	6.5	7.1
31	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	Nữ	06;02;2003	Kinh	phường Bình Định	Thị xã An Nhơn	Bình Định	K24NHA	6.4	7.2	7.8	7.4	7.2
32	Phạm Hải	Nguyễn	Nam	30;04;2003	Kinh	phường Cát Bi	Thành phố Hải Phòng	Hải Phòng	K24NHA	6.6	7.0	7.8	7.8	7.3

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Nơi Sinh (ghi theo giấy khai sinh)			Lớp	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3	Học phần 4	Điểm Môn học	
					Xã	Huyện	Tỉnh		Điểm học phần	Điểm học phần	Điểm học phần	Điểm học phần		
33	Trần Thị Minh	Như	Nữ	24;09;2003	Kinh	Phường Hoà Hiệp Trung	Thị xã Đông Hoà	Phú Yên	K24NHA	7.1	7.4	7.8	7.2	7.4
34	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	06;12;2003	Kinh	Phường Sơn Lộc	Thị xã Sơn Tây	Hà Nội	K24NHA	5.7	7.1	7.8	7.2	6.9
35	Lê Anh	Quân	Nam	19;10;2003	Kinh	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	K24NHA	7.2	6.4	7.8	7.3	7.2
36	Nguyễn Mạnh	Quân	Nam	05;08;2002	Kinh	Công Hải	Ninh Hải	Ninh Thuận	K24NHA	6.6	7.1	7.8	8.8	7.6
37	Nguyễn Lê	Quyên	Nữ	06;01;2003	Kinh	Hòa Tân Đông	Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHA	7.2	7.4	7.3	8.5	7.6
38	Nguyễn Bích	Quyên	Nữ	12;08;2003	Kinh	An Hoà	Tuy An	Phú Yên	K24NHA	7.6	7.1	7.3	7.7	7.4
39	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	14;12;2003	Kinh	Văn Thành	Yên Thành	Nghệ An	K24NHA	6.9	7.2	7.3	7.4	7.2
40	Hồ Thị Anh	Thơ	Nữ	19;04;2003	Kinh	Phường Phú Lâm	Tuy Hoà	Phú Yên	K24NHA	7.0	7.1	7.3	6.9	7.1
41	Lê Thị Minh	Thúy	Nữ	19;05;2003	Kinh	Hoà Xuân Đông	Thị Xã Đông Hòa	Phú yên	K24NHA	6.9	6.5	7.3	8.2	7.2
42	Vũ Văn	Tiến	Nam	20;05;2002	Kinh	Xã Eakly	Huyện Krông Pắc	Tỉnh Đắk Lắk	K24NHA	7.5	8.0	7.3	9.1	8.0
43	Nguyễn Thị Kim	Tiền	Nữ	10;06;2003	Kinh	xã hòa đồng	huyện tây hòa	tỉnh phú yên	K24NHA	6.9	7.9	7.3	7.0	7.3
44	Nguyễn Hoài	Trâm	Nữ	09;07;2003	Kinh	Phường Hoà Hiệp Trung	Thị xã Đông Hoà	Phú Yên	K24NHA	5.9	7.2	7.3	8.4	7.2
45	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	Nữ	14;12;2003	Kinh	Xã Hòa Bình	Thị xã Kon Tum	Kon Tum	K24NHA	7.1	7.5	7.3	7.4	7.3
46	Nguyễn Mai	Trình	Nữ	15;07;2003	Kinh	Phú Lâm	Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHA	6.7	7.2	7.3	8.6	7.5
47	Nguyễn Trương Cẩm	Trúc	Nữ	26;02;2003	Kinh	Xã Sơn Nguyên	Huyện Sơn Hoà	Phú Yên	K24NHA	6.7	6.9	7.3	6.5	6.8
48	Phạm Vũ Quốc	Trung	Nam	17;10;2003	Kinh	Tân Bình	thành phố Hải Dương	Hải Dương	K24NHA	6.6	7.2	7.3	7.8	7.3
49	Phùng Thị Minh	Tuyền	Nữ	23;12;2003	Kinh	Hòa Thắng	Phú Hòa	Phú Yên	K24NHA	7.1	7.1	7.3	7.9	7.4
50	Trương Thị Ánh	Tuyết	Nữ	29;06;2003	Kinh	Hòa Thắng	Phú Hòa	Phú Yên	K24NHA	7.0	6.9	7.3	7.5	7.2
51	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	26;10;2003	Kinh	Đông Phong	Tiền Hải	Thái Bình	K24NHA	6.6	6.8	7.3	8.5	7.3
52	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	26;08;1999	Kinh	Phường 8	Thành phố Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHA	6.6	7.2	7.7	7.8	7.3
53	Trần Ngọc	Ánh	Nam	24;06;2003	Kinh	Xã Liên Bảo	Huyện Vụ Bản	Nam Định	K24NHB	8.0	7.2	7.7	8.6	7.9
54	Huỳnh Phạm Gia	Bảo	Nam	17;04;2003	Kinh	Xã Phó Nhon	Thị xã Đức Phổ	Quảng Ngãi	K24NHB	6.7	7.0	7.7	8.9	7.6
55	Trần Hoàng Quốc	Bảo	Nam	06;12;2003	Kinh	Phường An Xuân	TP, Tam Kỳ	Quảng Nam	K24NHB	6.4	6.6	7.7	8.0	7.2
56	Vô Nguyên	Cánh	Nam	09;10;2003	Kinh	Xã Hòa Tân Đông	Thị xã Đông Hòa	Phú Yên	K24NHB	7.6	7.2	7.7	8.0	7.6
57	Phan Thị Minh	Châu	Nữ	18;12;2003	Kinh	Phường Phú Lâm	TP, Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHB	7.4	7.2	7.7	6.1	7.1
58	Đình Thành	Công	Nam	21;08;2003	Kinh	Thị Trấn Bích Động	Huyện Việt Yên	Bắc Giang	K24NHB	7.2	7.1	7.7	7.9	7.5
59	Nguyễn Duy	Đức	Nam	10;11;2003	Kinh	Thị trấn Diêm Điền	Huyện Thái Thụy	Thái Bình	K24NHB	7.2	7.0	7.7	7.2	7.3
60	Hồ Dạ	Hân	Nữ	13;09;2003	Kinh	Phường Quang Trung	TP, Kon Tum	Kon Tum	K24NHB	6.6	7.2	7.7	6.5	7.0
61	Vô Thuý	Hằng	Nữ	25;06;2003	Kinh	Xã Hoà Hình 1	Huyện Tây Hoà	Phú Yên	K24NHB	7.3	7.0	7.7	7.5	7.4
62	Nguyễn Thị Xuân	Hiền	Nữ	15;06;2003	Kinh	Phường 4	TP, Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHB	6.7	7.0	7.7	7.2	7.2
63	Nguyễn Hồng A	Hợp	Nữ	21;08;2003	Kinh	Xã Hòa Quang Bắc	Huyện Phú Hòa	Phú Yên	K24NHB	6.9	7.1	7.7	7.9	7.4
64	Nguyễn Minh	Kha	Nam	29;08;2003	Kinh	Phường Đạo Long	TP, Phan Rang - Tháp Chàm	Ninh Thuận	K24NHB	7.5	7.9	7.7	8.5	7.9
65	Nguyễn Thế	Khái	Nam	27;09;2003	Kinh	Phường 9	TP, Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHB	6.6	7.1	7.7	7.8	7.3
66	Nguyễn Trần Anh	Khôi	Nam	30;10;2003	Kinh	Phường Thanh Sơn	TP, Phan Rang - Tháp Chàm	Ninh Thuận	K24NHB	7.5	6.9	7.7	9.1	7.8
67	Lê Hồng	Kiều	Nữ	17;09;2003	Kinh	Xã Sơn Hà	Huyện Sơn Hòa	Phú Yên	K24NHB	8.0	7.4	7.5	8.2	7.8
68	Trịnh Mỹ	Hạnh	Nữ	18;11;2003	Kinh	Phường 5	TP, Điện Biên Phủ	Điện Biên	K24NHB	7.3	7.5	7.5	7.2	7.4
69	Đặng Phương	Nam	Nam	31;05;2003	Kinh	Thị trấn Krông Năng	Huyện Krông Năng	ĐăkLăk	K24NHB	7.0	6.8	7.5	7.9	7.3
70	Nguyễn Viên	Ngọc	Nữ	20;10;2003	Kinh	Xã Bình Hòa	Huyện Tây Sơn	Bình Định	K24NHB	7.0	7.4	7.5	7.2	7.3
71	Nguyễn Tồn	Ngọc	Nữ	03;07;2003	Kinh	Phường Suối Hoa	TP, Bắc Ninh	Bắc Ninh	K24NHB	7.5	7.4	7.5	8.2	7.6

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Nơi Sinh (ghi theo giấy khai sinh)			Lớp	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3	Học phần 4	Điểm Môn học	
					Xã	Huyện	Tỉnh		Điểm học phần	Điểm học phần	Điểm học phần	Điểm học phần		
72	Nguyễn Hồ	Nhạn	Nữ	15;10;2003	Kinh	Xã Mỹ Thắng	Huyện Phù Mỹ	Bình Định	K24NHB	7.4	7.4	7.5	8.5	7.7
73	Lê Thị Kim	Oanh	Nữ	07;01;2003	Kinh	Xã Hòa Quang Nam	Huyện Phú Hòa	Phú Yên	K24NHB	7.3	7.3	7.5	7.6	7.4
74	Nguyễn Trần Trọng	Phú	Nam	23;09;2003	Kinh	Thị trấn Vạn Giã	Huyện Vạn Ninh	Khánh Hòa	K24NHB	7.4	6.8	7.5	7.2	7.2
75	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	Nữ	10;01;2003	Kinh	Thị trấn Hai Riêng	Huyện Sông Hinh	Phú Yên	K24NHB	7.4	7.1	7.5	6.1	7.0
76	Vô Thị	Quý	Nữ	14;08;2003	Kinh	Phường 9	TP, Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHB	6.8	7.1	7.5	7.8	7.3
77	Nguyễn Mạnh	Quốc	Nam	13;12;2003	Kinh	Phường 2	TP, Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHB	6.5	6.9	7.5	8.0	7.2
78	Nguyễn Việt	Tài	Nam	20;10;2003	Kinh	Xã Bình Hoà	Huyện Tây Sơn	Bình Định	K24NHB	7.0	7.1	7.5	7.4	7.3
79	Trần Thị Mỹ	Tâm	Nữ	15;03;2003	Kinh	Xã Suối Bạc	Huyện Sơn Hòa	Phú Yên	K24NHB	7.0	6.8	7.5	7.8	7.3
80	Nguyễn Lưu Chí	Thành	Nam	09;11;2003	Kinh	Xã Hoà Phong	Huyện Tây Hoà	Phú Yên	K24NHB	7.1	6.8	7.5	6.8	7.0
81	Phan Thị Xuân	Thu	Nữ	25;08;2002	Kinh	Phường Phú Đông	TP, Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHB	7.3	7.4	7.5	6.1	7.1
82	Đào Thị	Thư	Nữ	02;06;2003	Kinh	Xã Hương Lạc	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	K24NHB	6.8	7.5	7.5	6.8	7.2
83	Thái Hoàng Minh	Thư	Nữ	30;12;2003	Kinh	Xã Bình Thuận	Huyện Tây Sơn	Bình Định	K24NHB	7.6	7.2	7.5	7.8	7.5
84	Huỳnh Hương	Trà	Nữ	16;05;2003	Kinh	Xã Tây An	Huyện Tây Sơn	Bình Định	K24NHB	7.3	7.1	7.5	7.8	7.4
85	Hứa Mai Huyền	Trâm	Nữ	08;10;2003	Kinh	Phường 9	TP, Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHB	6.9	7.1	7.5	6.1	6.9
86	Trần Minh	Trung	Nam	18;09;2003	Kinh	Phường Phú Đông	TP, Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHB	6.7	7.1	7.5	8.2	7.4
87	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	Nữ	02;12;2003	Kinh	Xã Hòa Phong	Huyện Tây Hòa	Phú Yên	K24NHB	7.5	6.9	7.5	7.3	7.3
88	Trần Thuý	Vân	Nữ	26;03;2003	Kinh	Phường 9	TP, Tuy Hòa	Phú Yên	K24NHB	7.0	7.2	7.5	7.5	7.3
89	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	27;02;2003	Kinh	Xã Tuy Lộc	Huyện Hậu Lộc	Thanh Hóa	K24NHB	7.5	7.3	7.5	6.1	7.1
90	Vô Thị Ngọc	Trình	Nữ	25;12;2003	Kinh	Xã Hòa Quang Nam	Huyện Phú Hòa	Phú Yên	K24NHB	7.3	7.1	7.5	7.5	7.3
91	Ngô Thị Kim	Chi	Nữ	10;10;2003	Kinh	Hòa Mỹ Đông	Tây Hòa	Phú Yên	ĐH24KT	6.9	7.1	7.5	7.2	7.2
92	Nguyễn Thị Thi	Hạ	Nữ	2;7;2003	Kinh	Thị trấn Eaknốp	Eakar	Đắk Lắk	ĐH24KT	7.2	7.7	7.5	7.8	7.6
93	Vô Thu	Hiền	Nữ	07;10;2003	Kinh	Xuân Hải	Sông Cầu	Phú Yên	ĐH24KT	7.1	7.7	7.4	7.5	7.4
94	Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	20;02;2003	Kinh	Phương Liệt	Thanh Xuân	Hà Nội	ĐH24KT	7.2	7.1	7.5	6.1	7.0
95	Nguyễn Xuân	Huyền	Nữ	01;02;2003	kinh	Phường 6	TP,Tuy Hòa	phú yên	ĐH24KT	7.5	7.1	7.5	7.0	7.3
96	Phạm Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	15;10;2003	Kinh	Tân phú	Tp Đồng Xoài	Bình Phước	ĐH24KT	7.4	6.8	7.5	6.8	7.1
97	Phạm Thị Hồng	Linh	Nữ	03;02;1997	Kinh	Xuân Sơn Bắc	Đồng Xuân	Phú Yên	ĐH24KT	7.8	8.0	7.5	7.5	7.7
98	Huỳnh Thị Nhật	Linh	Nữ	29;03;2003	Kinh	Hòa An	Phú Hòa	Phú Yên	ĐH24KT	7.3	7.1	7.5	6.7	7.2
99	Trần Phương	Linh	Nữ	08;04;2003	Kinh	Thạch Trung	TP Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	ĐH24KT	7.3	7.8	7.5	7.5	7.5
100	Trần Thu	Ngân	Nữ	17;09;2003	Kinh	An Thạch	Tuy An	Phú Yên	ĐH24KT	7.2	7.1	7.5	7.2	7.2
101	Trần Hạnh	Nguyên	Nữ	14;08;2003	Kinh	TT, Phú Lâm	TP, Tuy Hòa	Phú Yên	ĐH24KT	6.8	6.9	7.5	7.2	7.1
102	Diệp Tường	Nhân	Nam	19;07;2000	Kinh	Phường 9	TP, Tuy Hòa	Phú Yên	ĐH24KT	7.2	6.7	7.5	7.8	7.3
103	Huỳnh Xuân Yển	Nhi	Nữ	21;06;2003	Kinh	Hòa Bình	TP, Kon Tum	Kon Tum	ĐH24KT	6.4	6.8	7.5	7.9	7.1
104	Đào Thị Yển Nhi	Nhi	Nữ	02;01;2003'	Kinh	Xã Uar	Krông Pa	Gia Lai	ĐH24KT	7.5	7.2	7.5	6.5	7.2
105	Thần Văn	Quân	Nam	16;11;2003'	Kinh	Song Mai	TP, Bắc Giang	Bắc Giang	ĐH24KT	7.2	7.1	7.5	5.7	6.9
106	Huỳnh Thị Kim	Quyên	Nữ	19;08;2003	Kinh	Phường 9	TP, Tuy Hòa	Phú Yên	ĐH24KT	6.8	7.4	7.5	7.5	7.3
107	Lê Văn	Thanh	Nam	03;05;2003'	Kinh	Iasol	Phú Thiện	Gia Lai	ĐH24KT	6.9	7.4	7.5	7.8	7.4
108	Trần Thị Thanh	Thanh	Nữ	22;07;2003	Kinh	Kim Sơn	Đông Triều	Quảng Ninh	ĐH24KT	6.9	7.7	7.5	6.6	7.1
109	Ma Thanh	Trúc	Nữ	11;08;2003	Tày	Thị trấn Bằng Lũng	Chợ Đồn	Bắc Kạn	ĐH24KT	6.6	7.2	7.5	6.2	6.9
110	Trịnh Việt Quang	Trung	Nam	13;10;2003'	Kinh	Thành Lộc	Hậu Lộc	Thanh Hóa	ĐH24KT	7.1	7.0	7.5	6.0	6.9

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Nơi Sinh (ghi theo giấy khai sinh)			Lớp	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3	Học phần 4	Điểm Môn học
					Xã	Huyện	Tỉnh		Điểm học phần	Điểm học phần	Điểm học phần	Điểm học phần	
111	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	24;06;2003	Kinh	Đắk Sin	Đắk'Rlấp	Đắk Nông	ĐH24KT	7.3	7.7	7.5	7.9	7.6
112	Huỳnh Thị Ngọc Uyên	Nữ	22;01;2003	Kinh	Phổ Ninh	Đức Phổ	Quảng Ngãi	ĐH24KT	7.3	7.1	7.5	7.6	7.4
113	Trần Thị Tú	Nữ	24;08;2003	Kinh	Vạn Giã	Vạn Ninh	Khánh Hòa	ĐH24KT	6.8	7.0	7.5	7.4	7.2